

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 20-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa vật tư nông nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đợt;

Ông Đỗ Thành Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa vật tư nông nghiệp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số 22/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn ADC.

Trụ sở chính: 101 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quang T; Chức vụ: Phó tổng giám đốc.

Ông Hồ Văn Thái ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1997 chức vụ nhân viên. Địa chỉ: 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền số 166 ngày 22/12/2022 (vắng có đơn).

- *Bị đơn*: Ông Thạch Thanh S, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2022 (BL 01-02) và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Minh C là người nhận ủy quyền tham gia tố tụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn ADC là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn ADC bắt đầu bán phân bón và thuốc trừ sâu cho ông S từ năm 2013 đến khoảng năm 2019 thì ngưng mua bán với nhau. Lúc mua bán chỉ bằng lời nói chứ không có làm hợp đồng. Ông S trực tiếp mua bán với công ty chứ không có mua dùm cho ai hết. Hình thức giao nhận hàng hóa là công ty trực tiếp giao hàng cho ông S tại nhà ông S, ông S đã nhận đầy đủ hàng hóa nhưng không trả tiền đầy đủ cho công ty. Công ty và ông S có tiến hành đối chiếu công nợ qua sổ chia tiết đơn vị mua, tính đến ngày 31/7/2020 ông S còn thiếu nợ công ty số tiền là 19.346.218 đồng. Trước đây tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2022 công ty khởi kiện yêu cầu ông S phải trả số tiền gốc là 19.346.218 và tiền lãi là 3.675.780 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 25/6/2022) tổng cộng gốc và lãi là 23.021.998 đồng. Nhưng nay công ty chỉ yêu cầu ông S phải trả số tiền gốc là 19.346.218 đồng và tiền lãi là 1.008.274 đồng (lãi tính từ sau ngày khởi kiện là ngày 26/6/2022 đến ngày 20/4/2023 với mức lãi suất là 10%/năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Quá trình giải quyết vụ án thì vào ngày 18/01/2023 ông S đã trả cho công ty được 7.000.000 đồng nên còn thiếu lại 12.346.218 đồng tiền gốc. Nay công ty yêu cầu ông S phải trả số tiền mua hàng hóa vật tư nông nghiệp còn thiếu là 12.346.218 đồng và tiền lãi là 1.008.274 đồng (lãi tính từ sau ngày khởi kiện là ngày 26/6/2022 đến ngày 20/4/2023 với mức lãi suất là 10%/năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng số tiền gốc và lãi là 13.354.492 đồng và yêu cầu ông S tiếp tục trả lãi chậm trả cũng với mức lãi suất như trên cho đến khi trả hết nợ. Công ty trách nhiệm hữu hạn ADC không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh vấn đề gì nữa.

Theo lời khai của ông S thì ông cho rằng giữa công ty và ông S có thỏa thuận việc cần trừ là cần trừ cho ông S 9ha = 4.500.000 đồng, điện thoại = 600.000 đồng, nhạc chờ = 108.000 đồng tổng cộng tiền cần trừ là 5.208.000 đồng là hoàn toàn không có việc cần trừ này.

- *Ông Thạch Thanh S là bị đơn trình bày*: Ông thống nhất thời gian mua bán phân bón và thuốc trừ sâu như đại diện công ty trình bày. Lúc mua bán chỉ bằng lời nói chứ không có làm hợp đồng gì hết. Ông trực tiếp mua bán với công ty chứ không có mua dùm cho ai hết. Theo ông hiện nay ông chỉ còn thiếu công ty 7.820.000 đồng nên tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của công ty. Bởi vì ông thừa nhận tính đến ngày 15/10/2019 ông còn thiếu công ty số tiền gốc là 20.028.000 đồng nhưng theo thỏa thuận thì công ty phải cần trừ cho ông 9ha =

4.500.000 đồng, điện thoại = 600.000 đồng, nhạc chờ = 108.000 đồng. Tổng cộng tiền cần trừ là 5.208.000 đồng nên ông chỉ còn thiếu 14.820.000 đồng. Đến ngày 18/01/2023 ông đã trả cho công ty 7.000.000 đồng (do ông Trần Vũ Linh là nhân viên của công ty thu tiền) nên ông chỉ còn thiếu lại hiện tại là 7.820.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho công ty 7.820.000 đồng. Theo ông việc cần trừ chỉ thỏa thuận bằng lời nói, cũng không có ai chứng kiến. Ông cũng không yêu cầu Tòa án xác minh thêm vấn đề gì nữa.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có cung cấp bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chỉ thay đổi số tiền yêu cầu tính lãi (thấp hơn số tiền yêu cầu ban đầu), bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn ADC. Buộc ông Thạch Thanh S có trách nhiệm trả cho công ty số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 12.346.218 đồng và tiền lãi là 1.008.274 đồng. Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Minh Chánh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa vật tư nông nghiệp*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy cả công ty trách nhiệm hữu hạn ADC (sau đây viết tắt là công ty) và ông S đều khẳng định là từ năm 2013 đến khoảng cuối năm 2019 công ty với ông S trực tiếp mua bán hàng hóa vật tư nông nghiệp với nhau. Lúc mua bán thì chỉ bằng lời nói chứ không có lập hợp đồng. Ông S thừa nhận tính đến ngày 15/10/2019 ông còn thiếu công ty 20.028.000 đồng. Tuy nhiên, theo ông S lúc mua bán giữa ông với công ty có thỏa thuận bằng lời nói là công ty phải cần trừ cho ông 9ha = 4.500.000 đồng, điện thoại = 600.000 đồng, nhạc chờ = 108.000 đồng, tổng cộng tiền cần trừ là 5.208.000 đồng nên ông chỉ còn thiếu 14.820.000 đồng. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đại diện nguyên đơn, tiến hành đối chất giữa đại diện nguyên đơn với ông S về việc thỏa thuận cần trừ này nhưng đại diện nguyên đơn khẳng định là không có việc thỏa thuận bằng lời nói việc cần trừ này. Ngoài ra Tòa án đã yêu cầu ông S cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là có việc cần trừ, nhưng ông S không cung cấp được và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh việc này. Vì vậy, việc ông S cho rằng lúc mua bán giữa ông với công ty có thỏa thuận bằng lời nói về việc công ty cần trừ cho ông là không có căn cứ nên căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền gốc mua hàng hóa vật tư nông nghiệp là 12.346.218 đồng.

Về lãi suất: Xét thấy tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2022 công ty yêu cầu ông S phải trả số tiền lãi là 3.675.780 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 25/6/2022) nhưng nay công ty chỉ yêu cầu số tiền lãi là 1.008.274 đồng (lãi tính từ sau ngày khởi kiện là ngày 26/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/4/2023 với mức lãi suất là 10%/năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Xét thấy, đây là việc thay đổi yêu cầu tính lãi không vượt quá phạm vi yêu cầu tính lãi ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu tính lãi này. Xét thấy yêu cầu tính lãi của công ty là có căn cứ. Bởi lẽ, tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Vì vậy, cần buộc ông S phải trả cho công ty số tiền lãi là 1.008.274 đồng.

Đối với việc công ty yêu cầu ông S tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất như công ty yêu cầu như trên đến khi ông S trả xong nợ là không có căn cứ. Bởi lẽ, giữa công ty và ông S lúc mua bán không có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả nên chỉ chấp nhận tính lãi cho công ty như đã phân tích ở trên về lãi suất.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do

ông S là người cao tuổi, có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí nên ông S được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 244; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 357, 430 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn ADC.

Buộc ông Thạch Thanh S có trách nhiệm trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn ADC số tiền mua bán hàng hóa vật tư nông nghiệp còn thiếu là 12.346.218 đồng và tiền lãi là 1.008.274 đồng (lãi tính từ sau ngày khởi kiện là ngày 26/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/4/2023 với mức lãi suất là 10%/năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Tổng cộng gốc và lãi là 13.354.492 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn ADC về việc yêu cầu ông Thạch Thanh S tiếp tục trả lãi chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Thạch Thanh S. Hoàn trả lại cho công ty trách nhiệm hữu hạn ADC số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 575.549 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009177 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chí Điền

